

Bản án số: 05/2025/DS-PT
Ngày: 03-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Kim Ngân
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 441/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4666/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số B, Tổ B, Ấp C, phường T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Tấn Trí N, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Số B, đường L, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH T4

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Đ - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Số E, đường D, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số E (Tầng trệt), Đường H, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc T - Luật sư Công ty L1 (có mặt)

Địa chỉ: Số E (Tầng trệt), Đường H, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hứa Quốc V, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số D, đường N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn G và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn G và Công ty TNHH T4 (gọi tắt là Công ty T4) đã giao dịch mua bán hàng hoá là hạt điều trong nhiều năm. Căn cứ vào biên bản xác nhận nợ ngày 09/7/2022, ông Hứa Quốc V là Phó Giám đốc Công ty T4 đã xác nhận đến thời điểm ngày 09 tháng 7 năm 2022 Công ty T4 còn nợ tiền hàng của ông G là 1.950.013.310 đồng (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu không trăm mười ba nghìn ba trăm mười đồng). Sau đó ông V đại diện Công ty T4 có trả cho ông G 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Năm 2022, bà Nguyễn Thị Đ làm Giám đốc Công ty T4 xin tạm ngừng hoạt động, bán hết máy móc, xe cộ của Công ty T4. Ông G và nhiều chủ nợ khác đến Công ty T4 để yêu cầu trả tiền hàng. Qua tiếp xúc với bà Nguyễn Thị Đ lần cuối vào tháng 12 năm 2022, bà Đ hẹn sẽ giải quyết nợ tiền hàng cho ông G vào đầu năm 2023 nhưng đến nay Công ty T4 vẫn chưa giải quyết số nợ tiền bán hàng cho ông G. Nay ông G yêu cầu Công ty T4 phải trả cho ông G số tiền là 1.550.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm, thời điểm tính lãi từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi Toà án xét xử.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc tính lãi, ông G yêu cầu Công ty T4 trả lãi từ ngày 09/9/2022 đến ngày xét xử với lãi suất 10%/năm.

Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH T4 trình bày:

Công ty T4 chưa xác định được có giao dịch mua bán với ông Nguyễn Văn G hay không, vì trước kia Công ty T4 do chồng bà Nguyễn Thị Đ là ông Hứa Văn T1 quản lý và là người đại diện theo pháp luật. Đến tháng 11 năm 2021, sau khi ông T1 chết thì bà Đ mới tiếp quản Công ty T4 nên mọi chứng từ giao dịch là do ông Hứa Quốc V con bà Đ thực hiện, bà Đ không biết và ông V cũng không có báo cáo với bà Đ cụ thể như thế nào. Riêng đối với yêu cầu khởi kiện của ông G thì Công ty T4 không đồng ý vì việc ông G cho rằng giữa Công ty T4 và ông Giàu C phát sinh giao dịch mua bán hàng hoá hạt điều từ nhiều năm, hình thức mua bán chủ yếu bằng việc thoả thuận miệng, khi nào Công ty T4 cần đặt hàng thì điện thoại cho ông G để đặt hàng, sau đó ông G sẽ giao hàng đến kho của Công ty T4, việc giao hàng sẽ được phía Công ty Đ1 phiếu nhập kho và thanh toán bằng hình thức gói đầu nhưng thường sẽ không trả hết tiền mà sẽ có nợ lại. Do đó, bà Đ không biết được thời gian bắt đầu thoả thuận mua bán từ năm nào, văn bản, hoá đơn, chứng từ cụ thể như thế nào. Bà Đ không biết được Công ty T4 đã thực hiện bao nhiêu giao dịch mua bán, số lượng hàng và số tiền mua hàng là bao nhiêu, Công ty T4 đã trả được bao nhiêu và còn nợ lại bao nhiêu ở mỗi lần giao nhận hàng, chủng loại hạt điều cụ thể.

Việc ông Hứa Quốc V đã ký biên bản xác nhận công nợ ngày 09/7/2022 nhưng không có bất kỳ văn bản chấp nhận nào từ phía Công ty T4. Tại thời điểm ông V ký xác nhận công nợ thì ông V chỉ là thành viên của Công ty T4, có vốn góp 5,2 tỷ đồng, chỉ chiếm 26% tổng số vốn điều lệ của Công ty T4. Theo quy định của pháp luật và quyết định ngày 18/11/2021 của Công ty T4 thì ông V là Phó Giám đốc Công ty T4, được quyền ký các giấy tờ, văn bản liên quan đến giao dịch của Công ty T4 nhưng phải báo cáo với lãnh đạo Công ty T4 là bà Đ. Nhưng sự việc này ông V không báo cáo với bà Đ về việc ông đã ký biên bản xác nhận công nợ ngày 09/7/2022. Bà Đ không biết về sự tồn tại của biên bản xác nhận công nợ ngày 09/7/2022. Nội dung biên bản xác nhận công nợ ngày 09/7/2022 ghi nhận có 02 bên là ông Nguyễn Văn G và Công ty T4 nhưng trong biên bản chỉ có mình ông V ký xác nhận và đóng dấu của Công ty T4. Do đó biên bản xác nhận công nợ này không có giá trị pháp lý. Công ty T4 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông G, không đồng ý trả số tiền 1.500.000.000 đồng và lãi suất chậm trả. Trường hợp Toà án buộc Công ty T4 trả tiền theo yêu cầu của ông G thì Công ty T4 yêu cầu Toà án buộc ông V trả cho Công ty T4 số tiền này.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Quốc V trình bày:

Ông là Phó Giám đốc Công ty T4 và cũng là người đại diện cho Công ty T4 thực hiện các giao dịch mua bán. Ông xác định ông G và Công ty T4 có thực hiện các giao dịch mua bán hàng hoá là hạt điều với nhau. Quá trình mua bán hạt điều được thanh toán bằng phương thức giao hàng trước, trả tiền sau. Phía ông G sẽ chở hàng đến kho của Công ty T4, sau đó Công ty T4 sẽ kiểm tra và nhập kho. Trong quá trình mua bán phía Công ty T4 còn nợ nhiều lần tiền mua hàng của ông G. Căn cứ vào sổ sách kế toán, sổ nhập kho thì vào ngày 09/7/2022 ông đại diện Công ty T4 đã có xác nhận số tiền Công ty T4 còn nợ của ông G là 1.950.013.310 đồng và có ký tên vào biên bản xác nhận công nợ ngày 09/7/2022. Việc người đại diện uỷ quyền của Công ty T4 cho rằng ông không hề có bất kỳ văn bản báo cáo nào gửi cho bà Nguyễn Thị Đ để thông báo về việc ông đã ký biên bản xác nhận công nợ ngày 09/7/2022 là không đúng vì ông đã rất nhiều lần thông báo miệng với bà Đ (vì bà Đ là mẹ ruột của ông) nhưng bà không có ý kiến gì. Việc ông chỉ thông báo miệng mà không làm thành văn bản bởi vì đây là Công ty gia đình, từ xưa đến giờ chỉ thông báo miệng với nhau. Ông được Công ty T4 bổ nhiệm giữ chức danh là Phó Giám đốc và có quyết định bổ nhiệm của Công ty T4 đúng quy định của pháp luật, do đó ông có đủ tư cách đại diện Công ty T4 ký các văn bản, các thoả thuận mua bán. Nguyên tắc hoạt động của Công ty T4 về tài chính sẽ có hoá đơn đỏ và phía Công ty T4 sẽ lưu lại những hoá đơn này. Đối với việc mua bán với các bạn hàng thì đều có kế toán lập và ký xác nhận. Ông xác nhận Công ty T4 còn nợ ông Nguyễn Văn G số tiền 1.550.000.000 đồng, ông yêu cầu Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn G ngoài biên bản xác nhận công nợ ngày 09/7/2022 thì không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh Công ty T4 có nợ ông G số tiền như nguyên đơn yêu cầu. Việc ông Hứa Quốc V xác nhận công nợ ngày 09/7/2022 khi không báo cáo với bà Đ nên việc xác nhận này là không có giá trị pháp lý. Trường hợp Toà án buộc Công ty T4 trả tiền theo yêu cầu của ông G thì yêu cầu Toà án buộc ông V trả cho Công ty T4 số tiền này.

Do hoà giải không thành, Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã đưa vụ án ra xét xử. Tại phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G đối với Công ty TNHH T4.

Buộc Công ty TNHH T4 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn G số tiền là 1.845.895.000 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm chín lăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 295.895.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G đối Công ty TNHH T4 liên quan đến mức lãi suất chậm trả.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/8/2024, bị đơn Công ty TNHH T4 kháng cáo Bản án sơ thẩm số: 112/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn Công ty T4. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Công ty T4 xác định bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được nội dung giải quyết vụ án.

Đồng thời, người đại diện theo uỷ quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Công ty T4 yêu cầu Tòa án chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn là huỷ bản án sơ thẩm với các lý do: Công ty T4 không có mua bán hạt điều với ông Nguyễn Văn G. Bà Đ không có ký quyết định bổ nhiệm ông Hứa Quốc V làm Phó Giám đốc Công ty T4. Tại Công văn số 7076 của Chi cục thuế huyện B ông G cho rằng ông chỉ là người vận chuyển không có mua bán nhưng ông G lại khởi kiện đòi Công ty T4 phải thanh toán tiền mua bán hạt điều là không phù hợp. Ông G không cung cấp được hoá đơn, chứng từ mua bán, phiếu nhập kho có xác nhận của Công ty T4. Cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì không đưa kế toán, quản đốc của Công ty T4 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, không xác minh tại Chi cục thuế huyện B làm rõ các nội dung liên quan đến việc mua bán của ông G; Không giám định chữ ký của bà Đ tại quyết định bổ nhiệm ông Hứa Quốc V làm Phó Giám đốc Công ty T4.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T4, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T4, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng :

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và nội dung tranh chấp thì đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn có trụ sở tại ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Quốc V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

[1] Căn cứ vào Quyết định số 02/2021/QĐ-ĐT ngày 08/01/2021 do ông V cung cấp có nội dung "*bổ nhiệm ông Hứa Quốc V làm Phó Giám đốc Công ty TNHH T4*"; Lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn tại Văn bản trình bày ý kiến (tại các BL số 54, 100) có nội dung "*..Theo quy định pháp luật và Quyết định ngày 08/11/2021 của Công ty TNHH T4 thì ông Hứa Quốc V là Phó Giám đốc của Công ty TNHH T4 ...; ...ngày 21/7/2022 Công ty TNHH T4 đã có Thông báo chấm dứt việc ông Hứa Quốc V tiếp tục giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty TNHH T4 lý do vì ông V đã làm việc không minh bạch*"; Biên bản làm việc ngày 28/10/2024 của bà Nguyễn Thị Đ tại Chi cục thuế huyện B, bà Đ cũng cung cấp văn bản xác định ông V là Phó Giám đốc Công ty T4. Vì vậy có đủ căn cứ xác định ông Hứa Quốc V là Phó Giám đốc Công ty TNHH T4. Do ông Hứa Quốc V là Phó Giám đốc Công ty TNHH T4 nên ông V được quyền nhân danh Công ty TNHH T4 để xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự trong phạm vi quyền hạn của Phó Giám đốc và Công ty TNHH T4 phải có trách

nhệm đối với các giao dịch này. Công ty TNHH T4 không thể lấy lý do vi phạm chế độ báo cáo để loại trừ trách nhiệm pháp lý đối với các giao dịch dân sự do ông V nhân danh Công ty TNHH T4 xác lập, thực hiện, có sử dụng con dấu của Công ty TNHH T4 trong phạm vi quyền hạn của Phó Giám đốc.

Việc khai nại của phía bị đơn tại phiên toà phúc thẩm cho rằng ông V không phải là Phó Giám đốc Công ty TNHH T4, bà Nguyễn Thị Đ không có ký quyết định bổ nhiệm ông V làm Phó Giám đốc Công ty T4 là không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ, trái với trình bày của bị đơn tại giai đoạn sơ thẩm nên không có căn cứ chấp nhận.

[2] Ông Nguyễn Văn G cho rằng giữa ông G và Công ty T4 có xác lập quan hệ mua bán hàng hoá là hạt điều từ năm 2003 đến năm 2022. Quá trình mua bán các bên thoả thuận phương thức giao hàng trước, trả tiền sau, địa điểm giao hàng là tại kho của Công ty T4. Đến tháng 9 năm 2022, qua đối chiếu công nợ thì Công ty T4 còn nợ ông G số tiền 1.950.013.310 đồng, sau đó Công ty T4 thanh toán được số tiền 400.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 1.550.013.310 đồng, đến nay Công ty T4 chưa thanh toán cho ông G nên ông G yêu cầu Công ty T4 trả số tiền 1.550.000.000 đồng (lấy số chẵn). Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty T4 không thừa nhận còn nợ ông Nguyễn Văn G số tiền nêu trên nên không chấp nhận theo yêu cầu của ông G. Xét thấy:

[2.1] Các đương sự không thống nhất với nhau về việc có việc mua bán hạt điều. Tuy nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc giao nhận hàng với Công ty T4 nhưng căn cứ vào Biên bản xác nhận công nợ ngày 09/7/2022 của Công ty T4 do ông Hứa Quốc V, chức vụ Phó Giám đốc ký xác nhận, có sử dụng con dấu của Công ty T4. Ông Hứa Quốc V là người được Công ty T4 bổ nhiệm phụ trách đại diện Công ty T4 thực hiện ký tất cả các giao dịch của Công ty T4 (hợp đồng xuất nhập khẩu, mua bán nội địa, các văn bản,...). Đồng thời ông V xác nhận Công ty T4 còn nợ ông G số tiền 1.550.000.000 đồng, ông V là người đại diện cho Công ty T4 ký xác nhận công nợ đối với ông G. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn xác nhận thời điểm tháng 11/2021 bà Nguyễn Thị Đ làm Giám đốc Công ty T4 thay ông Hứa Văn T1 (chồng bà Đ và là Giám đốc Công ty đã chết), thời điểm này việc quản lý Công ty T4 do ông Hứa Quốc V (Phó Giám đốc) thực hiện. Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện khi ông V đại diện Công ty T4 thực hiện ký các giao dịch, văn bản giấy tờ liên quan đến hoạt động Công ty T4 phải báo cáo với lãnh đạo Công ty T4. Trường hợp nếu ông V có vi phạm chế độ báo cáo với Công ty T4 thì đây cũng là trách nhiệm xử lý trong nội bộ Công ty T4. Do đó, việc bị đơn cho rằng ông V ký biên bản xác nhận công nợ ngày 09/7/2022 cho ông G nhưng không báo cáo với bà Nguyễn Thị Đ, Giám đốc Công ty nên biên

bản xác nhận công nợ ngày 09/7/2022 không có giá trị pháp lý là không đúng. Ông V thực hiện việc ký Biên bản xác nhận công nợ ngày 09/7/2022 là đúng với chức năng, nhiệm vụ ông được giao nên các tài liệu ông ký liên quan đến việc giao dịch với ông G phát sinh hiệu lực pháp lý, đồng thời cũng chứng minh được việc giữa Công ty T4 và ông Nguyễn Văn Giàu C xác lập quan hệ mua bán.

[2.2] Ngoài ra, việc bị đơn cho rằng không có việc mua bán hạt điều hay hàng hoá gì giữa Công ty T4 với ông G nên không có nợ khoản tiền nào của ông G là mâu thuẫn với chính trình bày của bà Đ tại Đơn tố cáo hành vi trốn thuế của ông G bởi bà Đ xác định tài khoản 0521055081066 là tài khoản của Công ty T4 và từ tài khoản này đã thanh toán cho ông G số tiền hơn 12.000.000.000 đồng - Công ty T4 không mua hàng của ông G sao phải chuyển tiền thanh toán cho ông G số tiền trên.

Do đó có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G, buộc Công ty T4 trả cho ông G số tiền 1.550.000.000 đồng (nguyên đơn chỉ yêu cầu lấy số tròn).

[2.3] Về lãi suất:

Ông Nguyễn Văn G yêu cầu Công ty T4 trả lãi đối với số tiền chậm trả từ ngày 09/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (09/8/2024), lãi suất ông yêu cầu là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Xét thấy, Công ty T4 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc ông G yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm trả là đúng quy định của pháp luật, lãi suất ông G yêu cầu là 10%/năm không vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định nên được chấp nhận, cụ thể tiền lãi được tính như sau: 1.550.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 23 tháng = 295.895.000 đồng.

Như vậy, số tiền buộc Công ty T4 trả cho ông Nguyễn Văn G là: 1.550.000.000 đồng + 295.895.000 đồng = 1.845.895.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu phản tố của Công ty T4 đối với ông Hứa Quốc V về việc yêu cầu giải quyết trường hợp Toà án phán quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty T4 phải thanh toán công nợ 1.550.000.000 đồng và lãi phát sinh theo yêu cầu của nguyên đơn thì Công ty T4 yêu cầu buộc ông Hứa Quốc V phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền công nợ này theo quy định của pháp luật. Xét thấy, nguyên đơn trong vụ án này là ông Nguyễn Văn G, bị đơn là Công ty T4, ông Hứa Quốc V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do đó Công ty T4 yêu cầu phản tố đối với ông V là không đúng với quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nếu có căn cứ cho rằng ông V đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T4 thì Công ty T4 có quyền khởi kiện ông V bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp

luật. Do đó, không có căn cứ để xem xét giải quyết yêu cầu phản tố đề ngày 16/5/2024 của Công ty T4 trong cùng vụ án tranh chấp giữa ông G với Công ty T4.

[4] Ngoài ra, Công ty T4 có đơn đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đề ngày 22/7/2024 với lý do Công ty đang gửi đơn trình báo đến các cơ quan có thẩm quyền về hành vi tham ô tài sản của ông Hứa Quốc V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cũng như yêu cầu Tòa án đưa Kế toán, Quản đốc của Công ty (gồm: bà Triệu Thị L, bà Nguyễn Thúy P, ông Đỗ Văn T2, ông Đoàn Thanh T3) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy: Công ty T4 không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào đang thụ lý đơn của Công ty, đồng thời việc Công ty T4 yêu cầu xử lý hành vi tham ô của ông V (nếu có) cũng không liên quan đến quan hệ tranh chấp giữa Công ty T4 với ông G; Việc bị đơn yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng là không cần thiết bởi những người này không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với số tiền ông G kiện đòi. Do đó, Tòa án không chấp nhận đơn yêu cầu nói trên của Công ty T4 là phù hợp.

Như đã nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Kháng cáo của bị đơn cũng như trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH T4 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T4 .

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Áp dụng các Điều 39, 147, 148, 217, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G đối với Công ty TNHH T4.

Buộc Công ty TNHH T4 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn G số tiền là 1.845.895.000 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 295.895.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G đối với Công ty TNHH T4 liên quan đến mức lãi suất chậm trả.

3. Về án phí :

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH T4 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 67.376.850 đồng (Sáu mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.900.000 đồng (Ba mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001167 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty TNHH T4 phải nộp số tiền án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003659 ngày 30/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rẻn